

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN TH
TỈNH LONG A**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2023/DS-ST

Ngày: 29-05-2023

Về việc “T/c hợp đồng hội”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN TH - TỈNH LONG A**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Văn Dg.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Bà Trần Thị Nm.

2/Bà Võ Thị Vân Kh.

-Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Hiếu L- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Th, tỉnh Long A.

Hôm nay, ngày 29 tháng 05 Nm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Th xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 116/2022/TLST-DS ngày 07 tháng 11 Nm 2022 về việc “Tranh chấp hợp đồng hội” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2023/QĐXXST- DS ngày 26 tháng 04 Nm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 15/2023/QĐST-DS ngày 11 tháng 05 Nm 2023 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ông Phan Tấn SN, sinh Nm: 1987 (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 3, xã Tân Thành, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

2. *Bị đơn:* Bà Trần Thị H, sinh Nm 1977.

Ông Lê Văn S, sinh Nm 1975.

Địa chỉ : Ấp 3, xã Tân Thành, huyện Tân Th, tỉnh Long A.

(Nguyên đơn có mặt; Bị đơn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn và bản tự khai ngày 19 tháng 08 Nm 2022 ông Phan Tấn SN trình bày: Nguyên trước đây tôi có tham gia góp vốn xoay vòng do ông Lê Văn S và bà Trần Thị H làm đầu thảo. Ngày 15-08-2018 (AL) ông S và bà H có khai đầu hội 5.000.000 đồng phần hội này có 12 người tham gia, khai theo vụ lúa 3 tháng 1 lần, trong phần này tôi có tham gia 1 phần.

Tôi tham gia, tôi đóng cho bà H và ông S được 6 lần hội sống . Đến ngày 03-07-2021 (AL), tôi hốt hội được 46.600.000 đồng, tôi cho rằng ông S, bà H sẽ chung đủ tiền cho tôi nhưng đến ngày giao hội ông S và bà H chỉ đưa cho tôi được 8.000.000 đồng. Tôi yêu cầu ông S và bà H đưa cho tôi đủ tiền hội tôi đã hốt nhưng cứ hẹn lần lượt không đưa cho tôi. Hiện nay tôi yêu cầu ông S và bà H trả cho tôi số tiền là 30.000.000 đồng.

- Bị đơn bà Trần Thị H và ông Lê Văn S trình bày tại bản tự khai ngày 04/11/2022: Bà H và ông S làm đầu thảo ông SN có chơi một đầu hội 5.000.000 đồng, ông SN kêu hốt 2.100.000 đồng, tay em đóng mỗi người là 2.900.000 đồng. ông SN hốt được vừa hội chết, vừa sống được 46.600.000 đồng trừ thảo 1.000.000 đồng còn lại 45.600.000 đồng, trừ 2.000.000 đồng hội chết của ông SN và 2.000.000 đồng hội chết của cô Tám, còn lại 41.600.000 đồng , đưa cho ông SN 8.000.000 đồng, số tiền còn lại 33.600.000 đồng, hội chết chót còn lại 2.000.000 đồng còn lại 31.600.000 đồng, tiếp 2.000.000 hội chết của cô 8 còn lại 29.600.000 đồng trừ 5.000.000 đồng chết 20.000.000 đồng tôi còn nợ lại ông SN là 9.600.000 đồng; ông SN nợ lại hội 2.000.000 đồng 6 người bằng 12 triệu trừ ra ông SN còn nợ lại 2.400.000 đồng.

Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện Tân Th tiến hành niêm yết công khai thông báo thụ lý vụ án ngày 07-11-2022; Thông báo phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ, hòa giải lần thứ nhất vào ngày 07-11-2022; lần hai vào ngày 20-02-2023 và lần ba vào ngày 09-03-2023, Quyết định đưa vụ án ra xét xử số ngày 26-04-2023; Quyết định hoãn phiên tòa số ngày 11-05-2023 đúng theo quy định tại Điều 173, 174, 179 khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, bà Trần Thị H và ông Lê Văn S vắng mặt nên Tòa án tiến hành xét xử theo luật định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Vụ kiện tranh chấp “*Hợp đồng hội*” giữa ông Phan Tấn SN với bà Trần Thị H và ông Lê Văn S. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Tân Th, tỉnh Long A.

Tại phiên tòa hôm nay ông Phan Tấn SN có thay đổi yêu cầu, không rút đơn khởi kiện. Ông SN yêu cầu bà H và ông S có nghĩa vụ liên đới 9.600.000 đồng;

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Ông Phan Tấn SN có tham gia chơi hai đầu hội 5.000.000 đồng và 2.000.000 đồng. Đến ngày 15-04-2021 ông SN hốt được số tiền là 46.600.000

đồng, phần tiền hốt này bà H và ông S chưa giao lại cho ông SN. Giữa ông SN và bà H có thỏa thuận trừ lại các khoản tiền mà ông SN còn phải thanh toán cho bà H và ông S bao gồm: trừ 1.000.000 đồng cho đầu thảo còn lại 45.600.000 đồng, trừ 8.000.000 đồng hụi chết của ông SN và bà Bất là mẹ của ông SN và 2.000.000 đồng của ông SN, ông SN còn lại 37.600.000 đồng trừ 8.000.000 đồng tiền mặt còn 29.600.000 đồng, trừ 20.000.000 đồng tiền hụi chết còn lại là 9.600.000 đồng

[2.2] Hiện nay ông SN yêu cầu bà H, ông S trả cho ông số tiền là 9.600.000 đồng không yêu cầu tính lãi. Yêu cầu này của ông SN phù hợp với bản tự khai ngày 04-11-2022 của bà H và ông S. Nên có căn cứ xác định rằng ông S và bà H còn nợ ông SN số tiền 9.600.000 đồng. Nên ông SN yêu cầu bà H và ông S liên đới trả cho bà số tiền là 9.600.000 đồng là có căn cứ nên được chấp nhận.

[2.3] Đối với số tiền 6 phần hụi chết 2.000.000 đồng thành tiền là 12.000.000 đồng bà H, ông S nêu trong bản tự khai ngày 04-11-2022, bà H và ông S không yêu cầu phản tố, không cung cấp chứng cứ để chứng minh đối với khoản tiền này, ông SN cũng không thừa nhận nên không có căn cứ để xem xét yêu cầu này của bà H và ông S. Nếu sau này ông, bà có khởi kiện thì Tòa án xem xét giải quyết bằng một vụ kiện khác.

[2.4] Tòa án nhân dân huyện Tân Th sau khi tiến hành thụ lý hồ sơ vụ kiện đã tiến hành tổng đạt và niêm yết đầy đủ các văn bản tố tụng tại địa phương, nhưng bà H, ông S cố tình lánh né không chấp hành văn bản tố tụng của Tòa án đến để giải quyết vụ án. Hơn nữa bà H và ông S đều không có ý kiến phản hồi. Điều này cho thấy bà H và ông S có nợ ông Phan Tấn SN số tiền 9.600.000 đồng. Nên ông SN yêu cầu bà H và ông S trả cho ông SN số tiền trên là có căn cứ nên được chấp nhận.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 172, 173, 174, 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 288, 357, 471 Bộ luật dân sự 2015;

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện Phan Tấn SN.

Buộc bà Trần Thị H và ông Lê Văn S liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho Phan Tấn SN số tiền nợ gốc là 9.600.000 đồng (Chín triệu sáu trăm ngàn đồng)

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trần Thị H và ông Lê Văn S phải chịu 480.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Ông Phan Tấn SN không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0004442 ngày 04-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Th.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Điều 172, 173, 174, 227, 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.

Áp dụng Điều 288, 357, 471 Bộ luật dân sự 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý, và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên án

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện Phan Tấn SN.

Buộc bà Trần Thị H và ông Lê Văn S liên đới có trách nhiệm hoàn trả cho Phan Tấn SN số tiền nợ gốc là 9.600.000 đồng (*Chín triệu sáu trăm ngàn đồng*)

2. Về nghĩa vụ chậm trả: Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch: Bà Trần Thị H và ông Lê Văn S phải chịu 480.000 đồng để sung công quỹ Nhà nước. Ông Phan Tấn SN không phải chịu án phí nên được hoàn trả số tiền 750.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0004442 ngày 04-11-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Th.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Về kháng cáo: Án xử công khai có mặt nguyên đơn, bị đơn vắng mặt. Nguyên đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ cho bị đơn.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An;
- VKSND huyện Tân Th;
- THADS huyện Tân Th;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Ấn văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Văn Dg